| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Ân
Ông Đỗ Thanh Tuyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Yến Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 295/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Bùi Tấn P, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, Bến Tre.
**Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018, bản tự khai ngày 18/7/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Tấn P trình bày:*

Anh và chị Huỳnh Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Anh P cho rằng giữa anh và chị H không còn tình cảm, do mâu thuẫn kéo dài nên anh nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với chị H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh P và chị H có 02 người con chung tên Bùi Thị Ái N, sinh ngày 13/12/2000 và Bùi Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/10/2004. Sau khi anh chị ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi hai con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, bị đơn chị Huỳnh Thị H trình bày*: chị và anh P chung sống với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 1999. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình. Chị và anh P đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị H đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: chị H và anh P có 02 người con chung tên Bùi Thị Ái N, sinh ngày 13/12/2000 và Bùi Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/10/2004. Hiện nay, cháu N và cháu T đang sống với chị H. Sau khi anh chị ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: chị H khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1].*Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:* anh P và chị H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh P và chị H phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của anh P được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngày 23/8/2018, chị Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]*Về hôn nhân*: Xét lời trình bày của anh P thì sau khi kết hôn, anh P và chị H sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Điều này cũng phù hợp với nội dung biên bản làm việc ngày 23/8/2018 của Tòa án đối với chị H. Anh P và chị H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không đưa ra hướng khắc phục cũng như không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình và không tạo cơ hội để đoàn tụ cùng nhau, điều đó chứng tỏ anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và tình cảm vợ chồng.

Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh P, chị H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Mặt khác, tại phiên tòa anh P cho rằng tình cảm của anh và chị H là không thể hàn gắn lại được, có chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Mục đích hôn nhân của anh chị là không thể đạt được, hơn nữa tại biên bản làm việc ngày 23/8/2018 chị H cũng đồng ý ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh P về việc xin ly hôn với chị H là có

cơ sở, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3].*Về con chung*: anh P và chị H có 02 người con chung tên Bùi Thị Ái N, sinh ngày 13/12/2000 và Bùi Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/10/2004. Sau khi anh chị ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi hai con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị H cũng yêu cầu được nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi cũng như quá trình phát triển tâm sinh lý của con. Xét thấy cháu Bùi Thị Ái N và cháu Bùi Huỳnh Nhật T hiện đang sống với chị H, điều kiện sinh hoạt là ổn định. Trong thời gian anh P ra ở riêng, chị H là người trực tiếp nuôi hai con cũng đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần. Hơn nữa tại biên bản ghi nhận ý kiến của Tòa án ngày 23/8/2018, hai cháu Bùi Thị Ái N và cháu Bùi Huỳnh Nhật T có nguyện vọng được sống với chị H. Tại phiên tòa, anh P đồng ý để chị H tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Bùi Thị Ái N và cháu Bùi Huỳnh Nhật T. Anh P không cấp dưỡng nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận yêu cầu của chị H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4].*Về tài sản chung*: anh P và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].*Về nợ chung*: anh P và chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].*Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) anh Bùi Tấn P phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1].*Về hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Tấn P với chị Huỳnh Thị H. Anh Bùi Tấn P được quyền ly hôn với chị Huỳnh Thị H.

[2].*Về con chung*:

Anh Bùi Tấn P với chị Huỳnh Thị H có 02 người con chung tên Bùi Thị Ái N, sinh ngày 13/12/2000 và Bùi Huỳnh Nhật T, sinh ngày 31/10/2004. Chị Huỳnh Thị H được nuôi hai con chung tên Bùi Thị Ái N và Bùi Huỳnh Nhật T. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung*: anh P và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: anh P và chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* anh Bùi Tấn P phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018218 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Anh P đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Tấn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**